

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-HĐ

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

V/v tăng cường tuyên truyền pháp luật
về một số mức xử phạt hành chính đối với
hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông
đường bộ từ ngày 01/01/2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố;
- Hội Luật gia Thành phố;
- Đoàn Luật sư Thành phố;
- Các cơ quan Báo, Đài của Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã.

Thực hiện Công điện số 132/CĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, Công văn số 7334/HĐPH-PBGDPL ngày 19/12/2024 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương về tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật dịp Tết Âm Lịch 2025; nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên và Nhân dân tự giác tuân thủ, chấp hành pháp luật về giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, Sở Tư pháp Hà Nội – cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố đã biên soạn Tài liệu một số mức xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ từ ngày 01/01/2025 (theo quy định tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe). Hội đồng Phối hợp PBGDPL Thành phố đề nghị sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã, các cơ quan Báo, Đài Thành phố triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố đẩy mạnh tuyên truyền tới cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý bằng các hình thức phù hợp.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các đơn vị báo, đài, địa phương và đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền “Tài liệu một số mức xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ từ ngày 01/01/2025”.

3. UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường tuyên truyền “Tài liệu một số mức xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường

bộ từ ngày 01/01/2025” trên hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở, trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Đoàn Luật sư Thành phố, Hội Luật gia Thành phố đẩy mạnh tuyên truyền “Tài liệu một số mức xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ từ ngày 01/01/2025” tới hội viên, đoàn viên và Nhân dân bằng hình thức phù hợp.

5. Cơ quan Báo, Đài Thành phố tăng cường tuyên truyền “Tài liệu một số mức xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ từ ngày 01/01/2025” trên các chuyên trang, chuyên mục.

Nội dung tài liệu được đính kèm Công văn này và được đăng tải trên trang Thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật Thành phố (tại đường link: <https://pbgdpl.hanoi.gov.vn/tai-lieu-phat-thanh>).

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL Thành phố (*qua phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật*) để được giải đáp, hướng dẫn kịp thời./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Lê Hồng Sơn - PCT TT UBND TP, Chủ tịch HĐPHPBGDPL TP (để b/c);
- Thành viên HĐPHPBGDPL (để biết);
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, PBGDPL.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Phạm Thị Thanh Hương**

TÀI LIỆU PHÁT THANH

MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỪ NGÀY 01/01/2025
(Theo quy định tại Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe)

PHẦN I.

MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE VI PHẠM NỒNG ĐỘ CỒN

1. Xử phạt người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng hoá bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô

a) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở (điểm c khoản 6 Điều 6 và điểm b khoản 16 Nghị định 168/2024/NĐ-CP).

b) Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở (điểm a khoản 9 và điểm d Khoản 16 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP).

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở (điểm a khoản 11 và điểm c khoản 15 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP).

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ (điểm b khoản 11 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP).

2. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt

quá 0,25 miligam/1 lít khí thở (*điểm a khoản 6 và điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở (*điểm b khoản 8 và điểm d khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

c) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở (*điểm d khoản 9 và điểm c khoản 12 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

d) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ (*điểm đ khoản 9 và điểm c khoản 12 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

3. Xử phạt người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ khác trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở (*điểm p khoản 1 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở (*điểm d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

c) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở (*điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

d) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ (*điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

PHẦN II
MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI
NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE VI PHẠM VỀ CHẤT MA TÚY
HOẶC CHẤT KÍCH THÍCH KHÁC MÀ PHÁP LUẬT CẤM SỬ DỤNG

1. Xử phạt người người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng hoá bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô trên đường mà trong mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng (*điểm c khoản 11 và điểm c khoản 15 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ (*điểm d khoản 11 và điểm c khoản 15 Điều 6 Nghị định 168/2024/NĐ-CP*).

2. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy trên đường mà trong mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng

a) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng (*điểm e khoản 9 và điểm c khoản 12 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ (*điểm g khoản 9 và điểm c khoản 12 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*)

PHẦN III

MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE VI PHẠM VỀ TỐC ĐỘ

1. Xử phạt người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng hoá bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô

a) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h (*điểm a khoản 3, Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm đối với người điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h (*điểm đ khoản 5 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

c) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm đối với người điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 20 km/h đến 35 km/h (*điểm a khoản 6 và điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

d) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm đối với người điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h (*điểm a khoản 7 và điểm c khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

2. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy

a) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h (*điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h (*điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm đối với người điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h (*điểm a khoản 8 và điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

PHẦN IV
MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI
NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG
TRÊN ĐƯỜNG CAO TỐC

1. Xử phạt người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng hoá bốn bánh có gắn động cơ và các loại xe tương tự xe ô tô

a) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm đối với người điều khiển xe không tuân thủ quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; điều khiển xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp hoặc phần lề đường của đường cao tốc; không tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước khi chạy trên đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định “mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề” khi chạy trên đường cao tốc (*điểm d, g khoản 5 và điểm a, khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

b) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm đối với người điều khiển xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ đi vào đường cao tốc (*điểm b khoản 7 và điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

c) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm đối người điều khiển xe dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp khi gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe ở làn dừng xe khẩn cấp trên đường cao tốc; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp, không đặt biển cảnh báo “Chú ý xe đỗ” (hoặc đèn cảnh báo) về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét khi dừng xe, đỗ xe trong trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe trên một phần làn đường xe chạy trên đường cao tốc (*điểm c khoản 7 và điểm c khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm đối với người điều khiển xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ đi vào đường cao tốc mà gây tai nạn giao thông (*điểm b khoản 10 và điểm d khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm đối với người điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, lùi xe trên đường cao tốc, quay đầu xe trên đường cao tốc, trừ các xe ưu tiên đang đi

làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định (*điểm đ khoản 11 và điểm d khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

2. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy

Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm đối với người điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ xe phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc (*điểm b khoản 7 và điểm c khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

3. Xử phạt người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ khác

Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ phương tiện phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc (*khoản 5 Điều 9 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

4. Xử phạt người đi bộ

Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người đi bộ đi vào đường cao tốc, trừ người phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc (*điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

PHẦN V
MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN
XE Ô TÔ, XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, XE CHỖ
HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ VÀ CÁC LOẠI XE Ô TÔ
VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ một số trường hợp vi phạm theo quy định (điểm a khoản 1).

b) Khi ra, vào vị trí dừng xe, đỗ xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết (điểm b khoản 1).

c) Không báo hiệu bằng đèn khẩn cấp hoặc không đặt biển cảnh báo “Chú ý xe đỗ” theo quy định trong trường hợp gặp sự cố kỹ thuật (hoặc bất khả kháng khác) buộc phải đỗ xe chiếm một phần đường xe chạy hoặc tại nơi không được phép đỗ xe trừ hành vi phạm không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp khi gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe ở làn dừng xe khẩn cấp trên đường cao tốc; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp, không đặt biển cảnh báo “Chú ý xe đỗ” (hoặc đèn cảnh báo) về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét khi dừng xe, đỗ xe trong trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe trên một phần làn đường xe chạy trên đường cao tốc (điểm c khoản 1).

d) Không gắn biển báo hiệu ở phía trước xe kéo, phía sau xe được kéo; điều khiển xe kéo rơ moóc không có biển báo hiệu theo quy định (điểm d khoản 1).

đ) Sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định (điểm d khoản 1).

2. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định “mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề, trừ các hành vi chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định “mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề” khi chạy trên đường cao tốc (điểm a khoản 2).

b) Chở người trên buồng lái quá số lượng quy định (điểm b khoản 2).

c) Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường bộ giao nhau, trừ hành vi không nhường đường khi điều khiển xe đi từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, từ đường nhánh ra đường chính hoặc không nhường đường

cho xe đi đến từ bên phải tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên; không nhường đường cho xe đi đến từ bên trái tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên (điểm c khoản 2).

d) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không sát mép đường phía bên phải theo chiều đi ở nơi đường có lề đường hẹp hoặc không có lề đường; dừng xe, đỗ xe ngược với chiều lưu thông của làn đường; dừng xe, đỗ xe trên dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; đỗ xe trên dốc không chèn bánh (điểm d khoản 2).

đ) Dừng xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; dừng xe trên đường dành riêng cho xe buýt; dừng xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; rời vị trí lái, tắt máy khi dừng xe (trừ trường hợp rời khỏi vị trí lái để đóng, mở cửa xe, xếp dỡ hàng hóa, kiểm tra kỹ thuật xe) hoặc rời vị trí lái khi dừng xe nhưng không sử dụng phanh đỗ xe (hoặc thực hiện biện pháp an toàn khác); dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”, trừ hành vi không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn hoặc dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp khi gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe ở làn dừng xe khẩn cấp trên đường cao tốc; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp, không đặt biển cảnh báo “Chú ý xe đỗ” (hoặc đèn cảnh báo) về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét khi dừng xe, đỗ xe trong trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe trên một phần làn đường xe chạy trên đường cao tốc (điểm đ khoản 2).

3. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 3 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Sử dụng còi, rú ga liên tục; sử dụng còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa khi gặp người đi bộ qua đường hoặc khi đi trên đoạn đường qua khu dân cư có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động hoặc khi gặp xe đi ngược chiều (trừ trường hợp dải phân cách có khả năng chống chói) hoặc khi chuyển hướng xe tại nơi đường giao nhau, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định (điểm b khoản 3).

b) Chuyển hướng không quan sát hoặc không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau hoặc không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu báo hướng rẽ nhưng không sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức) (điểm c khoản 3).

c) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi an toàn của đường sắt (điểm d khoản 3).

d) Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: nơi đường bộ giao nhau hoặc trong phạm vi 05 mét tính từ mép đường giao nhau; điểm đón, trả khách; trước công hoặc trong phạm vi 05 mét hai bên công trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ra, vào; nơi phân đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe cơ giới; che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông; nơi mở dải phân cách giữa; cách xe ô tô đang đỗ ngược chiều dưới 20 mét trên đường phố hẹp, dưới 40 mét trên đường có một làn xe cơ giới trên một chiều đường (điểm đ khoản 3).

đ) Đỗ xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; đỗ xe trên đường dành riêng cho xe buýt; đỗ xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; đỗ, để xe ở vỉa hè trái quy định của pháp luật; đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”, trừ hành vi không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn hoặc dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp khi gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe ở làn dừng xe khẩn cấp trên đường cao tốc; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp, không đặt biển cảnh báo “Chú ý xe đỗ” (hoặc đèn cảnh báo) về phía sau xe khoảng cách tối thiểu 150 mét khi dừng xe, đỗ xe trong trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe trên một phần làn đường xe chạy trên đường cao tốc (điểm e khoản 3).

đ) Không sử dụng hoặc sử dụng không đủ đèn chiếu sáng trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn (điểm g khoản 3).

e) Điều khiển xe ô tô kéo theo xe khác, vật khác (trừ trường hợp kéo theo một rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoặc một xe ô tô, xe máy chuyên dùng khác khi xe này không tự chạy được); điều khiển xe ô tô đẩy xe khác, vật khác; điều khiển xe kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kéo thêm rơ moóc hoặc xe khác, vật khác; không nối chắc chắn, an toàn giữa xe kéo và xe được kéo khi kéo nhau (điểm h khoản 3). Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm a khoản 16 Điều 6).

g) Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển (điểm i khoản 3). Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm a khoản 16 Điều 6).

h) Không thắt dây đai an toàn khi điều khiển xe chạy trên đường (điểm k khoản 3).

i) Chở người trên xe ô tô không thắt dây an toàn (tại vị trí có trang bị dây an toàn) khi xe đang chạy (điểm l khoản 3).

k) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần (điểm n khoản 3).

m) Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên những đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép (điểm o khoản 3).

n) Điều khiển xe chạy tốc độ thấp hơn các xe khác đi cùng chiều mà không đi về làn đường bên phải chiều đi của mình, trừ trường hợp các xe khác đi cùng chiều chạy quá tốc độ quy định (điểm p khoản 3).

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (Theo khoản 4 và điểm a khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng (xe không gắn thẻ đầu cuối hoặc gắn thẻ đầu cuối mà số tiền trong tài khoản thu phí không đủ để chi trả khi qua làn thu phí điện tử tự động không dừng) đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm a khoản 4 và điểm a khoản 16).

b) Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: bên trái đường một chiều hoặc bên trái (theo hướng lưu thông) của đường đôi; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi tầm nhìn bị che khuất; trên cầu (trừ trường hợp tổ chức giao thông cho phép), gầm cầu vượt (trừ những nơi cho phép dừng xe, đỗ xe), song song với một xe khác đang dừng, đỗ, trừ hành vi vi phạm dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm b khoản 4 và điểm a khoản 16).

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi xe ô tô bị hư hỏng ngay tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm c khoản 4 và điểm a khoản 16).

d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm d khoản 4 và điểm a khoản 16).

đ) Lùi xe, quay đầu xe trong hầm đường bộ; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; không có báo hiệu bằng đèn khẩn cấp, không đặt biển cảnh báo "Chú ý xe đỗ" (hoặc đèn cảnh báo) về phía sau xe khoảng cách đảm bảo an toàn khi dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ trong trường hợp gặp sự cố kỹ thuật hoặc bất khả kháng khác buộc phải dừng xe, đỗ xe. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm đ khoản 4 và điểm a khoản 16).

e) Lùi xe ở đường một chiều, đường có biển "Cấm đi ngược chiều", khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất; lùi xe không quan sát hai bên, phía sau xe hoặc không có tín hiệu lùi xe, trừ hành vi lùi xe trên đường cao tốc (điểm e khoản 4).

g) Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, trừ hành vi vi phạm theo quy định. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm g khoản 4 và điểm a khoản 16).

h) Xe được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên không đúng quy định hoặc sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định (điểm h khoản 4).

i) Quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất, trên đường một chiều, trừ khi có hiệu lệnh của người điều khiển giao thông hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu tạm thời hoặc tổ chức giao thông tại những khu vực này có bố trí nơi quay đầu xe (điểm i khoản 4).

k) Quay đầu xe tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm quay đầu đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ phải đối với loại phương tiện đang điều khiển (điểm k khoản 4).

l) Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu “Cự ly tối thiểu giữa hai xe”, trừ hành vi không tuân thủ quy định về khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước khi chạy trên đường cao tốc (điểm l khoản 4).

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi sau đây (*theo khoản 5, khoản 15 và khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*):

a) Vượt xe trong những trường hợp không được vượt, vượt xe tại đoạn đường có biển báo hiệu có nội dung cấm vượt (đối với loại phương tiện đang điều khiển); không có tín hiệu trước khi vượt hoặc có tín hiệu vượt xe nhưng không sử dụng trong suốt quá trình vượt xe; vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm a khoản 5 và điểm a khoản 16).

b) Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều) trừ hành vi điều khiển xe không đủ điều kiện đã thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng (xe không gắn thẻ đầu cuối) đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí; điều khiển xe đi qua dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm b khoản 5 và điểm a khoản 16).

c) Tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định (trừ hành vi vi phạm sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều theo quy định); không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm c khoản 5 và điểm a khoản 16).

d) Xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên (điểm e khoản 5). Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị tịch thu thiết bị phát tín hiệu ưu tiên lắp đặt, sử dụng trái quy định (điểm a khoản 15). Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm a khoản 16).

đ) Dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đang di chuyển trên đường bộ. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 04 điểm (điểm h khoản 5 và điểm b khoản 16).

e) Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, trừ hành vi vi phạm đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều" và hành vi điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, hành vi bị cấm đi vào công trình thủy lợi và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm i khoản 5 và điểm a khoản 16)

g) Dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm k khoản 5 và điểm a khoản 16).

h) Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ (điểm l khoản 5).

i) Chuyển hướng không nhường đường cho: các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe thô sơ đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ (điểm m khoản 5).

k) Không giảm tốc độ (hoặc dừng lại) và nhường đường khi điều khiển xe đi từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, từ đường nhánh ra đường chính. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm n khoản 5 và điểm a khoản 16).

m) Không giảm tốc độ và nhường đường cho xe đi đến từ bên phải tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên; không giảm tốc độ và nhường đường cho xe đi đến từ bên trái tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 02 điểm (điểm o khoản 5 và điểm a khoản 16).

n) Chở người trên thùng xe trái quy định; chở người trên nóc xe; để người đu bám ở cửa xe, bên ngoài thành xe khi xe đang chạy. Người điều khiển xe thực

hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép 06 điểm (điểm p khoản 5 và điểm c khoản 16).

o) Mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn (điểm q khoản 5).

6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 6 và điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ (điểm b khoản 6).

b) Điều khiển xe đi trên vỉa hè, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua vỉa hè để vào nhà, cơ quan (điểm d khoản 6).

7. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất (theo khoản 8 và điểm c khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP).

8. Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 9 và điểm b khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông (điểm b khoản 9).

b) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông (điểm c khoản 9).

c) Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều", trừ các hành vi vi phạm trên đường cao tốc và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định (điểm d khoản 9).

9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 22.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (Theo khoản 10 và điểm d khoản 16 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Điều khiển xe không quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn theo quy định mà gây tai nạn giao thông; điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, tránh xe, vượt

xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển gây tai nạn giao thông, trừ các hành vi điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc, lùi xe trên đường cao tốc, quay đầu xe trên đường cao tốc (điểm a khoản 10).

b) Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ trong một số trường hợp theo quy định mà gây tai nạn giao thông (điểm b khoản 10).

10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường bộ (*Theo khoản 12 Điều 6 và điểm b khoản 15 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

Tịch thu phương tiện đối với người điều khiển xe tái phạm hành vi điều khiển xe lạng lách, đánh võng (*khoản 14 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

11. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường bộ mà gây tai nạn giao thông. (*Theo khoản 13 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP và điểm c khoản 15 Điều 6 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP*).

PHẦN VI
MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI
NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY XE GẮN MÁY VÀ
CÁC LOẠI XE TƯƠNG TỰ XE GẮN MÁY VI PHẠM QUY TẮC
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ một số trường hợp vi phạm theo quy định (điểm a khoản 1).

b) Không có tín hiệu trước khi vượt hoặc có tín hiệu vượt xe nhưng không sử dụng trong suốt quá trình vượt xe (điểm b khoản 1).

c) Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hai bên, phía sau xe hoặc không có tín hiệu lùi xe (điểm c khoản 1 Điều 7).

d) Chở người ngồi trên xe sử dụng ô (dù) (điểm d khoản 1).

đ) Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường giao nhau, trừ hành vi không nhường đường khi điều khiển xe đi từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, từ đường nhánh ra đường chính hoặc không nhường đường cho xe đi đến từ bên phải tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên; không nhường đường cho xe đi đến từ bên trái tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên (điểm đ khoản 1).

e) Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định “mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề” (điểm e khoản 1).

g) Không sử dụng đèn chiếu sáng trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau hoặc khi có sương mù, khói, bụi, trời mưa, thời tiết xấu làm hạn chế tầm nhìn (điểm g khoản 1).

h) Tránh xe không đúng quy định; sử dụng đèn chiếu xa khi gặp người đi bộ qua đường hoặc khi đi trên đoạn đường qua khu dân cư có hệ thống chiếu sáng đang hoạt động hoặc khi gặp xe đi ngược chiều (trừ trường hợp dải phân cách có khả năng chống chói) hoặc khi chuyển hướng xe tại nơi đường giao nhau; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật (điểm h khoản 1).

i) Sử dụng còi trong thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ ngày hôm sau trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định (điểm i khoản 1).

k) Điều khiển xe chạy dưới tốc độ tối thiểu trên đoạn đường bộ có quy định tốc độ tối thiểu cho phép (điểm k khoản 1).

2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 4 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường (điểm a khoản 2).

b) Điều khiển xe chạy tốc độ thấp mà không đi bên phải phần đường xe chạy gây cản trở giao thông (điểm c khoản 2).

c) Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường, vỉa hè trái phép (điểm d khoản 2).

d) Xe không được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị tịch thu thiết bị phát tín hiệu ưu tiên lắp đặt, sử dụng trái quy định (điểm đ khoản 2 và điểm a khoản 12 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP).

đ) Dừng xe, đỗ xe trên điểm đón, trả khách, nơi đường bộ giao nhau, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường; dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ xe tại nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt (điểm e khoản 2).

e) Chở theo 02 người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 12 tuổi, người già yếu hoặc người khuyết tật, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật (điểm g khoản 2).

g) Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ (điểm h khoản 2).

h) Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật (điểm i khoản 2).

i) Quay đầu xe tại nơi không được quay đầu xe (điểm k khoản 2).

3. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Chuyên hướng không quan sát hoặc không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau hoặc không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu báo hướng rẽ nhưng không sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức); điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ

phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ phải đối với loại phương tiện đang điều khiển (điểm a khoản 3).

b) Chở theo từ 03 người trở lên trên xe. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm b khoản 3 và điểm a khoản 13).

c) Dừng xe, đỗ xe trên cầu (điểm c khoản 3).

d) Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường, làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều); điều khiển xe đi qua dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy (điểm d khoản 3 Điều 7).

đ) Vượt bên phải trong trường hợp không được phép (điểm đ khoản 3).

e) Người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt vật nuôi, mang vác vật cồng kềnh; chở người đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái của xe (điểm e khoản 3).

g) Điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác (điểm g khoản 3).

h) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần (điểm h khoản 3).

i) Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước hoặc không giữ khoảng cách theo quy định của biển báo hiệu “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” (điểm i khoản 3).

k) Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên (điểm k khoản 3).

l) Xe được quyền ưu tiên lắp đặt, sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên không đúng quy định hoặc sử dụng thiết bị phát tín hiệu ưu tiên mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định (điểm l khoản 3).

4. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định (điểm b khoản 4).

b) Vượt xe trong những trường hợp không được vượt, vượt xe tại đoạn đường có biển báo hiệu có nội dung cấm vượt đối với loại phương tiện đang điều khiển, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này (điểm c khoản 4).

c) Quay đầu xe trong hầm đường bộ (điểm d khoản 4).

d) Sử dụng ô (dù), thiết bị âm thanh (trừ thiết bị trợ thính), dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm (điểm đ khoản 4 và điểm b khoản 13).

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 5 và điểm a Khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn trừ trường hợp gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất (điểm a khoản 5).

b) Chuyển hướng không nhường quyền đi trước cho: người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ; xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho xe thô sơ (điểm b khoản 5).

c) Chuyển hướng không nhường đường cho: các xe đi ngược chiều; người đi bộ, xe thô sơ đang qua đường tại nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ (điểm c khoản 5).

6. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 6 và điểm a Khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 Điều này và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định (điểm b khoản 6).

b) Không giảm tốc độ (hoặc dừng lại) và nhường đường khi điều khiển xe đi từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, từ đường nhánh ra đường chính (điểm c khoản 6).

c) Không giảm tốc độ và nhường đường cho xe đi đến từ bên phải tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo vòng xuyên; không giảm tốc độ và nhường đường cho xe đi đến từ bên trái tại nơi đường giao nhau có báo hiệu đi theo vòng xuyên (điểm d khoản 6).

7. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 7 và khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản này và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định; điều khiển xe đi trên vỉa hè, trừ trường hợp điều khiển xe đi qua vỉa hè để vào nhà, cơ quan. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm (điểm a khoản 7 và điểm a Khoản 13).

b) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm (điểm c khoản 7 và điểm b Khoản 13).

c) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm (điểm d khoản 7 và điểm b Khoản 13).

d) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm (điểm đ khoản 7 và điểm b Khoản 13).

8. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 9 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ; sử dụng chân chống hoặc vật khác quẹt xuống đường khi xe đang chạy (điểm a khoản 9).

b) Điều khiển xe thành nhóm từ 02 xe trở lên chạy quá tốc độ quy định (điểm b khoản 9).

c) Gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm này bị trừ điểm giấy phép lái xe 06 điểm (điểm c khoản 9 và điểm c khoản 13).

d) Ngồi phía sau vòng tay qua người ngồi trước để điều khiển xe, trừ trường hợp chở trẻ em dưới 06 tuổi ngồi phía trước (điểm h khoản 9).

đ) Điều khiển xe thành đoàn gây cản trở giao thông, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép (điểm i khoản 9).

e) Sử dụng còi, rú ga (net pô) liên tục trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định. (điểm k khoản 9).

10. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng và trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 10 và điểm d khoản 13 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Điều khiển xe không quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn theo quy định mà gây tai nạn giao thông; điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; đi vào đường cao tốc, dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển,

đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều” gây tai nạn giao thông (điểm a khoản 10).

b) Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ mà gây tai nạn giao thông trong một số trường hợp theo quy định (điểm b khoản 10).

11. Tịch thu phương tiện đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 11 Điều 7 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP):

a) Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe (điểm a khoản 11).

b) Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh (điểm a khoản 11).

c) Tái phạm hành vi điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ (điểm c khoản 11).

PHẦN VII.
MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI
NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE ĐẠP, XE ĐẠP MÁY, NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN
XE THÔ SƠ KHÁC VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 1 Điều 9 Nghị định 168/2024/NĐ-CP):

- a) Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi không đúng phần đường quy định (điểm a khoản 1).
- b) Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước (điểm b khoản 1).
- c) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ một số trường hợp theo quy định (điểm c khoản 1).
- d) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép (điểm d khoản 1).
- đ) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường (điểm đ khoản 1).
- e) Chạy trong hầm đường bộ không bật đèn hoặc không có vật phát sáng báo hiệu; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ (điểm e khoản 1).
- g) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy đi dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ 02 xe trở lên (điểm g khoản 1).
- h) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù), dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khác; chở người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù) (điểm h khoản 1).
- i) Điều khiển xe thô sơ trong thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau không sử dụng đèn hoặc không có báo hiệu ở phía trước và phía sau xe (điểm i khoản 1).
- k) Để xe ở lòng đường, vỉa hè trái phép; đỗ xe ở lòng đường gây cản trở giao thông, đỗ xe trên cầu gây cản trở giao thông (điểm k khoản 1).
- l) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt (điểm l khoản 1).
- m) Dùng xe đẩy làm quầy hàng lưu động trên đường gây cản trở giao thông (điểm m khoản 1).
- n) Không giảm tốc độ (hoặc dừng lại) và nhường đường khi điều khiển xe đi từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, từ đường nhánh ra đường chính (điểm n khoản 1).
- o) Xe đạp, xe đạp máy, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu (điểm o khoản 1).

2. Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (Theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 168/2024/NĐ-CP):

a) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp máy (điểm a khoản 2).

b) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông (điểm b khoản 2).

c) Người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang vác vật cồng kềnh; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác (điểm c khoản 2).

d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên (điểm d khoản 2).

đ) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông (điểm đ khoản 2).

3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 3 Điều 9 Nghị định 168/2024/NĐ-CP):

a) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổi nhau trên đường (điểm a khoản 3).

b) Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp máy; đi xe bằng hai bánh đối với xe xích lô (điểm b khoản 3).

c) Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển; đi ngược chiều đường của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều” (điểm c khoản 3).

4. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 4 Điều 9 Nghị định 168/2024/NĐ-CP):

a) Gây tai nạn giao thông không dừng ngay phương tiện, không giữ nguyên hiện trường, không trợ giúp người bị nạn, không ở lại hiện trường hoặc không đến trình báo ngay với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất (điểm a khoản 4)

b) Người điều khiển xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ (điểm b khoản 4)

c) Chở người ngồi trên xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật (điểm c khoản 4).

PHẦN VIII.
MỘT SỐ MỨC XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐI BỘ
VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng đối với người đi bộ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 1 Điều 10 Nghị định 168/2024/NĐ-CP):

a) Không đi đúng phần đường quy định; vượt qua dải phân cách; đi qua đường không đúng nơi quy định; đi qua đường không có tín hiệu bằng tay theo quy định (điểm a khoản 1).

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường (điểm b khoản 1).

c) Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông (điểm c khoản 1).

2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người đi bộ thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây (theo khoản 2 Điều 10 Nghị định 168/2024/NĐ-CP):

a) Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông (điểm b khoản 2).

b) Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy (điểm c khoản 2).